

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ H
TỈNH QUẢNG NINH**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2023/DS-ST

Ngày 23/11/2023

“V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ H, TỈNH QUẢNG NINH
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Trần Thị Hồng

Các Hội thẩm nhân dân: bà Phạm Thị Hiền và ông Trần Xuân Giới

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: bà Vũ Phương Thanh, là thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H tham gia phiên tòa: ông Trần Anh Linh - Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân thành phố H, tỉnh Quảng Ninh tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án dân sự thụ lý số 84/2023/TLST- DS ngày 21 tháng 4 năm 2023 về "Tranh chấp hợp đồng tín dụng", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 198/2023/QĐXXST- DS ngày 29 tháng 9 năm 2023, quyết định hoãn phiên tòa số 214/2023/QĐST-DS ngày 26 tháng 10 năm 2023, giữa các đương sự:

*** Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần B; địa chỉ: tầng A, 2, 3, 4, 5 và 6, tòa nhà T- số B đường T, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: ông Phạm Doãn S - Tổng giám đốc

Người đại diện theo ủy quyền (theo văn bản ủy quyền số 780/2022/UQ-LienVietPostBank ngày 05/10/2022):

- Ông Vũ Minh H - Phó Giám đốc P - Ngân hàng thương mại cổ phần B - Chi nhánh Q; địa chỉ: số A, tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

- Ông Nguyễn Đức T - chuyên viên khách hàng - PGD Hoàn Bò - Ngân hàng THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN B - Chi nhánh Q; địa chỉ: số A, tổ D, khu D, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

*** Bị đơn:**

- Ông Lê Thái H1, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; có mặt.

- Bà Trịnh Thị Y, sinh năm 1984; nơi cư trú: tổ A, khu E, phường H, thành phố H, tỉnh Quảng Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

[1] Tại Đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn là Ngân hàng thương mại cổ phần B (sau đây viết tắt là Ngân hàng) do người đại diện là ông Nguyễn Đức T trình bày:

Ngày 12/5/2020, Ngân hàng thương mại cổ phần B với anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y ký kết Hợp đồng tín dụng số HDTD48D2020033 trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, với nội dung: anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y vay của Ngân hàng số tiền 647.500.000 đồng; mục đích vay: thanh toán tiền mua xe ô tô theo Hợp đồng mua xe ô tô số 0902042020406/TG/HĐMB-MIQN-HBM ngày 24/4/2020 giữa anh Lê Thái H1 với Công ty T1 - Chi nhánh Q; thời hạn cho vay: 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; lãi suất cho vay: 12%/năm (áp dụng cho 03 tháng đầu)...; lãi suất nợ gốc quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất chậm trả bằng 10%/năm; kỳ hạn trả nợ gốc, lãi vào ngày 25 hàng tháng.

Tài sản thế chấp là: 01 chiếc xe ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; loại xe: tải Pickup cabin kép, số máy 4N15UGJ0740, số khung KL10LH017155, biển số: 14C-300.82, màu trắng (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082040 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 08/5/2020, đứng tên Lê Thái H1), trị giá: 843.000.000 đồng, thể hiện tại Hợp đồng thế chấp số 033/2020/HĐTC/PGDHoanhBo ngày 12/5/2020 do các bên ký kết tự nguyện, đã được công chứng chứng nhận và được đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật.

Thực hiện hợp đồng tín dụng, Ngân hàng đã giải ngân cho anh H1 và chị Y vay số tiền 647.500.000 đồng, thể hiện tại Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 48D2020033/01 ngày 12/5/2020. Quá trình thực hiện hợp đồng, thời gian đầu anh, chị H1 - Y đã trả gốc, lãi đúng theo thỏa thuận hợp đồng, nhưng sau đó vợ chồng anh H1 không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ. Ngân hàng đã nhiều lần đôn đốc, nhắc nhở anh H1 và chị Y nhưng không có kết quả nên đã chuyển khoản vay sang nợ quá hạn vào ngày 04/4/2021. Tổng số tiền gốc, lãi anh H1, chị Y đã trả là 317.202.343 đồng, trong đó: tiền gốc là 189.000.000 đồng và tiền lãi trong hạn là 128.202.305 đồng.

Tính đến ngày 25/4/2023, anh H1 và chị Y còn nợ Ngân hàng tổng số tiền là: 562.441.846đ (năm trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm bốn sáu đồng), trong đó: nợ gốc 458.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn 77.479.784 đồng, nợ lãi quá hạn là: 5.354.478đồng, nợ lãi chậm trả gốc là 21.107.584 đồng.

Quá trình giải quyết vụ án, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết:

1. Yêu cầu chấm dứt hợp đồng tín dụng số HDTD48D2020033 ngày 12/5/2020.

2. Buộc anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi còn thiếu của Hợp đồng tín dụng nêu trên (tạm tính đến ngày 25/4/2023) là 562.441.846đ (năm trăm sáu mươi hai triệu bốn trăm bốn mươi tám nghìn tám trăm bốn sáu đồng), trong đó: nợ gốc là 458.500.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 77.479.784 đồng, nợ lãi quá hạn là 21.107.584 đồng, lãi chậm trả lãi là: 5.354.478 đồng.

3. Buộc anh H1 và chị Y phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày 25/4/2023 cho đến khi thanh toán xong khoản nợ.

4. Kể từ ngày Bản án/Quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật và Ngân hàng có đơn yêu cầu thi hành án, nếu anh H1 và chị Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp hai bên đã ký để thu hồi nợ.

5. Trường hợp sau khi xử lý tài sản thế chấp mà số tiền thu được không đủ để trả nợ thì anh H1 và chị Y có nghĩa vụ liên đới trả nợ tiếp cho Ngân hàng cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản vay.

Tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn giữ nguyên nội dung yêu cầu khởi kiện, đồng thời đề nghị Tòa án giải quyết buộc anh H1 và chị Y phải liên đới trả cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi còn thiếu của Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/11/2023) là 616.948.624 đồng, trong đó: nợ gốc là 458.499.992 đồng, nợ lãi trong hạn là 105.656.844 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.575.357 đồng và lãi chậm trả lãi là 10.216.431 đồng.

[2] Bị đơn anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y trong quá trình giải quyết vụ án trình bày:

Các bị đơn đều có lời khai xác nhận: việc ký kết Hợp đồng tín dụng và Hợp đồng thế chấp ngày 12/5/2020 với Ngân hàng, về khoản nợ gốc, lãi đã trả cho Ngân hàng, về việc các bị đơn thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ, về việc Ngân hàng đơn đốc trả nợ, về khoản gốc, lãi các bị đơn còn nợ Ngân hàng đến ngày 25/4/2023 như nội dung Ngân hàng trình bày ở trên.

Tại phiên tòa, bị đơn anh Lê Thái H1 nhất trí với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ngân hàng và số nợ gốc lãi đến ngày xét xử sơ thẩm (23/11/2023) như ngân hàng trình bày ở phần trên. Đối với tài sản thế chấp nêu trên hiện vẫn đang đứng tên chính chủ là Lê Thái H1 và là sản chung của vợ chồng bị đơn. Ở giai đoạn thi hành án, nếu các bị đơn không trả được nợ cho ngân hàng thì các bị đơn sẽ đồng ý xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

[3] Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành thủ tục xem xét, thẩm định tại chỗ đối với tài sản thế chấp nêu trên. Tuy nhiên, việc xem xét, thẩm định tại chỗ không thực hiện được do các bị đơn không chấp hành. Tại biên bản làm việc ngày 22/8/2023 của Tòa án nhân dân thành phố H, Ngân hàng thể hiện quan điểm: qua kiểm tra, xác minh, ngân hàng xác nhận chiếc xe ô tô là tài sản thế chấp nêu trên anh Lê Thái H1 vẫn đứng tên chính chủ và hiện đang lưu hành tại địa bàn thành phố Hà Nội. Nay, Ngân hàng không yêu cầu Tòa án tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và tự chịu trách nhiệm về tình trạng pháp lý đối với tài sản thế chấp nêu trên. Ở giai đoạn thi hành án, nếu tài sản thế chấp nêu trên thất thoát không xử lý được thì ngân hàng sẽ tự chịu trách nhiệm; tại phiên tòa đại diện ngân hàng giữ nguyên quan điểm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố H: Việc Tòa án nhân dân thành phố H kể từ khi thụ lý giải quyết vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được tiến hành đúng theo quy định của pháp luật; đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, bị đơn anh Lê Thái H1 đã thực hiện quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật, bị đơn chị Trịnh Thị Y thực hiện chưa đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định của pháp luật; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 117, 119, khoản 2 Điều 155, Điều 292, 293, 295, 298, 299, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 và Điều 357, khoản 2 Điều 422, Điều 466, Điều 463 của Bộ luật dân sự; Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra chứng cứ tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên Tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

- Về thẩm quyền giải quyết vụ án: tranh chấp hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng với vợ chồng anh Nguyễn Thái H2 và chị Trịnh Thị Y đối với khoản vay theo Hợp đồng tín dụng, vợ chồng anh H2 chị Y không có mục đích lợi nhuận, không có đăng ký kinh doanh; tại thời điểm Tòa án thụ lý vụ án các bị đơn đều có nơi cư trú tại thành phố H, đây là các tranh chấp dân sự liên quan đến hợp đồng thuộc trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự. Do đó, Tòa án nhân dân thành phố H có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Về việc xử vắng mặt bị đơn: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử cho các bị đơn, tại phiên tòa mở lần thứ nhất vào ngày 26/10/2023, các bị đơn vắng mặt, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tại phiên tòa ngày hôm nay bị đơn chị Trịnh Thị Y vắng mặt. Do đó, việc xét xử vắng mặt bị đơn chị Trịnh Thị Y đảm bảo đúng quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án được giao nộp, thu thập theo đúng trình tự, quy định của pháp luật, các đương sự không có ý kiến gì về các tài liệu, chứng cứ này, do đó được sử dụng làm căn cứ giải quyết vụ án.

[2] Về nội dung: xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thấy:

2.1. Về yêu cầu chấm dứt hợp Hợp đồng tín dụng số HDTD48D2020033 ngày 12/5/2020.

Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, các đương sự đều có lời khai xác nhận các bị đơn đã nhận đủ số tiền vay theo thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng và vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Đây là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại Điều 92 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Theo Điều 2 và Điều 7 của nội dung Hợp đồng tín dụng thể hiện: thời hạn cho vay là 72 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân đầu tiên; bên cho

vay chấm dứt cho vay và thu hồi vốn vay trước thời hạn khi bên vay không trả một phần hoặc toàn bộ gốc, lãi vay, phí theo các thỏa thuận trong hợp đồng.

Xét Hợp đồng tín dụng còn trong thời hạn, bên vay vi phạm nghĩa vụ trả nợ nên thuộc trường hợp chấm dứt hợp đồng tín dụng theo thỏa thuận của các bên. Do đó, cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về việc chấm dứt hợp đồng tín dụng theo quy định tại khoản 2 Điều 422 của Bộ luật dân sự.

2.2. Về Yêu cầu trả nợ gốc, lãi: căn cứ Đơn khởi kiện, nội dung trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn về khoản vay tín dụng 647.500.000 đồng ngày 12/5/2020 và xác nhận của anh H2 và chị Y về nội dung vay nợ của vợ chồng tại Ngân hàng, không có ý kiến về số nợ lãi do Ngân hàng yêu cầu vợ chồng phải trả. Do đó, đủ căn cứ xác định Hợp đồng tín dụng và giấy nhận nợ nêu trên, được ký kết bởi người có thẩm quyền của ngân hàng với vợ chồng anh H2, chị Y trên cơ sở tự nguyện, nội dung và hình thức của hợp đồng phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hợp đồng tín dụng có hiệu lực pháp luật và làm phát sinh quyền và nghĩa vụ của các bên kể từ thời điểm ký kết. Anh H2 và chị Y đã nhận đủ số tiền vay 647.500.000 đồng theo khế ước nhận nợ ngày 12/5/2020. Trong quá trình thực hiện hợp đồng, anh H2 và chị Y đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ, nên khoản vay chuyển thành nợ quá hạn theo thỏa thuận. Căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy có đủ cơ sở chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần B về việc buộc anh H2 và chị Y phải liên đới trả cho Ngân hàng nợ gốc, nợ lãi còn thiếu của Hợp đồng tín dụng tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 23/11/2023) là 616.948.624đ (sáu trăm mười sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 458.499.992 đồng, nợ lãi trong hạn là 105.656.844 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.575.357 đồng và lãi chậm trả lãi là 10.216.431 đồng và buộc anh H2 và chị Y phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn phát sinh theo thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng nêu trên kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

2.3. Về yêu cầu của Ngân hàng đề nghị xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ, Hội đồng xét xử thấy: căn cứ vào lời khai của các đương sự và tài liệu có trong hồ sơ vụ án đủ cơ sở xác định: hợp đồng thế chấp số 033/2020/HĐTC/PGDHoanhBo ngày 12/5/2020 được ký kết bởi người có thẩm quyền của Ngân hàng với vợ chồng anh H2 và chị Y trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện, đã được công chứng, đăng ký giao dịch bảo đảm theo đúng quy định của pháp luật. Tài sản thế chấp là chiếc ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; loại xe: tải pickup cabin kép, số máy 4N15UGJ0740, số khung KL10LH017155, biển số: 14C-300.82, màu trắng (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082040 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 08/5/2020, đứng tên Lê Thái H1) là tài sản hợp pháp của vợ chồng anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y. Như vậy, Hợp đồng thế chấp nêu trên là hợp pháp. Căn cứ vào nội dung thỏa thuận giữa các đương sự tại Hợp đồng thế chấp, có cơ sở chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng về việc xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

2.4 Đối với yêu cầu của Ngân hàng về việc trong trường hợp tài sản bảo đảm không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y

tiếp tục phải thực hiện nghĩa liên đới vụ trả nợ cho Ngân hàng, Hội đồng xét xử thấy yêu cầu của Ngân hàng đã được pháp luật quy định tại khoản 3 Điều 307 Bộ luật dân sự, do đó có căn cứ để chấp nhận.

[3] Về án phí: anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y phải liên đới chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Trả lại cho Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 271, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Điều 117, 119, khoản 2 Điều 155, Điều 292, 293, 295, 298, 299, 307, 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 và Điều 357, khoản 2 Điều 422, Điều 466, Điều 463 của Bộ luật dân sự;
- Điều 27, Điều 30, Điều 33, Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình;
- Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP, ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm;
- Điều 91; Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng;
- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng thương mại cổ phần B về “tranh chấp hợp đồng tín dụng” đối với các bị đơn anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y, cụ thể:

- Chấm dứt Hợp đồng tín dụng số HDTD48D2020033 ngày 12/5/2020 được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y.

- Buộc anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y phải có nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B tổng số tiền là 616.948.624đ (sáu trăm mười sáu triệu chín trăm bốn mươi tám nghìn sáu trăm hai mươi bốn đồng), trong đó: nợ gốc là 458.499.992 đồng, nợ lãi trong hạn là 105.656.844 đồng, nợ lãi quá hạn là 42.575.357 đồng và lãi chậm trả lãi là 10.216.431 đồng phát sinh từ Hợp đồng tín dụng số HDTD48D2020033 ngày 12/5/2020.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại Hợp đồng tín dụng số HDTD48D2020033 ngày 12/5/2020 (kèm Giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 48D2020033/01 ngày 12/5/2020) được ký kết giữa Ngân hàng thương mại cổ phần B với anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y.

- Trường hợp anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng thương mại cổ phần B có quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý toàn bộ tài sản thế chấp là chiếc ô tô nhãn hiệu MITSUBISHI; loại xe: tải pickup cabin kép, số máy 4N15UGJ0740, số khung KL10LH017155, biển số: 14C-300.82, màu trắng (theo Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 082040 do Phòng C Công an tỉnh Q cấp ngày 08/5/2020, đứng tên Lê Thái H1) theo Hợp đồng thế chấp số 033/2020/HĐTC/PGDHoanhBo ngày 12/5/2020 được ký kết giữa được Ngân hàng thương mại cổ phần B với anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y để thu hồi nợ theo quy định của pháp luật.

- Trường hợp sau khi đã xử lý toàn bộ tài sản thế chấp mà số tiền không đủ thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y phải tiếp tục thực hiện nghĩa vụ liên đới trả nợ cho Ngân hàng thương mại cổ phần B cho đến khi trả hết toàn bộ khoản nợ.

2. Về án phí: anh Lê Thái H1 và chị Trịnh Thị Y phải liên đới chịu 28.677.944đ (hai mươi tám triệu sáu trăm bảy bảy nghìn chín trăm bốn mươi bốn đồng) tiền án phí dân sự sơ thẩm. Trả lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần B số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm là 13.170.000đ (mười ba triệu một trăm bảy mươi nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001616, ngày 19/4/2023 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố H, tỉnh Quảng Ninh.

3. Về quyền kháng cáo: nguyên đơn, bị đơn anh Lê Thái H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn chị Trịnh Thị Y vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND thành phố H;
- TAND tỉnh Quảng Ninh;
- Chi cục THADS thành phố H;
- Lưu hồ sơ vụ án, VP.

THẨM PHÁN

Trần Thị Hồng